



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG TRƯỜNG THỊNH  
507 Duy Tân, Phường Duy Tân, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam  
Mã số thuế: 6101177237

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## QUÝ I NĂM 2020

**Bao gồm:**

Bảng cân đối kế toán  
Bảng kết quả kinh doanh  
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ  
Thuyết minh Báo cáo tài chính

Tháng 04/2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>42.883.744.997</b>	<b>77.795.618.010</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.147.853.843</b>	<b>20.387.347.991</b>
1. Tiền	111	5	7.147.853.843	20.387.347.991
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>35.317.091.375</b>	<b>56.969.359.749</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	9.246.742.706	12.318.162.080
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	586.746.255	783.193.255
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.I	25.483.602.414	43.868.004.414
<b>III. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>418.799.779</b>	<b>438.910.270</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	418.799.779	438.910.270
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>500.432.571.872</b>	<b>490.950.188.690</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>17.959.783.000</b>	<b>2.678.629.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	8.II	17.959.783.000	2.678.629.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>310.151.453.595</b>	<b>316.253.496.664</b>
1. TSCĐ hữu hình	221	9	310.151.453.595	316.253.496.664
- Nguyên giá	222		472.421.173.222	472.343.900.495
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(162.269.719.627)	(156.090.403.831)
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>170.520.000.000</b>	<b>170.520.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	10	170.520.000.000	170.520.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.801.335.277</b>	<b>1.498.063.026</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.801.335.277	1.498.063.026
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>543.316.316.869</b>	<b>568.745.806.700</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 03 năm 2020**  
**(Tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 31/03/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>248.909.377.805</b>	<b>258.162.533.919</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.559.377.805</b>	<b>40.812.533.919</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	507.225.536	361.373.536
2. Chi phí phải trả ngắn hạn	312		3.130.521.290	1.570.282.958
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	8.250.194.423	11.307.031.140
3. Phải trả người lao động	314		389.375.591	1.005.442.716
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	144.246.715	139.389.319
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15.I	19.050.000.000	26.250.000.000
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		87.814.250	179.014.250
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>217.350.000.000</b>	<b>217.350.000.000</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15.II	217.350.000.000	217.350.000.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)</b>	<b>400</b>		<b>294.406.939.064</b>	<b>310.583.272.781</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>294.406.939.064</b>	<b>310.583.272.781</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	16	284.904.000.000	284.904.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		284.904.000.000	284.904.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.502.939.064	25.679.272.781
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		8.585.032.781	4.517.736.347
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		917.906.283	21.161.536.434
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>543.316.316.869</b>	<b>568.745.806.700</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Kon Tum, Ngày 28 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu

  
Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

  
Hoàng Hữu Điền

Tổng giám đốc

  
  
Trần Lương Chung

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019		Năm 2019	
			Quý I Năm 2020	Lũy kế đến 31/12/2020	Quý I Năm 2019	Lũy kế đến 31/03/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	17.782.105.360	17.782.105.360	25.743.057.425	25.743.057.4
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01- 02)	10		17.782.105.360	17.782.105.360	25.743.057.425	25.743.057.4
4. Giá vốn hàng bán	11	18	9.318.703.551	9.318.703.551	9.754.006.134	9.754.006.1
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp (20=10-11)	20		8.463.401.809	8.463.401.809	15.989.051.291	15.989.051.2
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		7.515.990	7.515.990	6.976.107	6.976.1
7. Chi phí tài chính	22	20	6.586.480.999	6.586.480.999	8.907.593.834	8.907.593.8
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.586.480.999	6.586.480.999	8.907.593.834	8.907.593.8
8. Chi phí bán hàng	25				-	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	873.854.258	873.854.258	1.416.770.636	1.416.770.6
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.010.582.542	1.010.582.542	5.671.662.928	5.671.662.9
11. Thu nhập khác	31				53.400	53.4
12. Chi phí khác	32		300.000	300.000	43.838.853	43.838.8
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(300.000)	(300.000)	(43.785.453)	(43.785.45
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.010.282.542	1.010.282.542	5.627.877.475	5.627.877.4
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	92.376.259	92.376.259	469.439.874	469.439.8
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		917.906.283	917.906.283	5.158.437.601	5.158.437.6

Người lập biểu

Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng

Hồng Hữu Diên

4

Kon Tum, Ngày 28 tháng 04 năm 2020

Tổng giám đốc



Trần Quang Chung


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
( Theo phương pháp gián tiếp )  
Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/03/2020

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2020 đến 31/03/2020	Từ 01/01/2019 đến 31/03/2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.010.282.542	5.627.877.47.
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	6.179.315.796	6.235.318.29.
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.515.990)	(6.976.107)
- Chi phí lãi vay	06	6.586.480.999	8.907.593.83.
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	13.768.563.347	20.763.813.49.
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.487.717.374)	(29.328.226.662)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.927.251.684)	576.727.82.
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(283.161.760)	(420.289.530)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(5.026.242.667)	(5.622.110.455)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(228)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(91.200.000)	(246.170.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(6.047.010.138)</b>	<b>(14.276.255.548)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ			
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.515.990	6.976.10
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>7.515.990</b>	<b>6.976.10</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(7.200.000.000)	(6.400.000.000)
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(7.200.000.000)</b>	<b>(6.400.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50	<b>(13.239.494.148)</b>	<b>(20.6693279.441)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.387.347.991	27.590.778.21.
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	7.147.853.843	6.921.498.77.

Kon Tum, Ngày 28 tháng 04 năm 2020  
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

  
Đoàn Thị Ngọc Thu

  
Hoàng Hữu Diên 5



  
Trần Quang Chung

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### **Hình thức sở hữu vốn.**

Công ty Cổ phần Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Ne) là doanh nghiệp được tách từ Công ty Cổ phần Tấn Phát, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Kon Tum cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty cổ phần lần đầu ngày 21/5/2014 với mã số doanh nghiệp 6101177237, đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19/02/2020.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG THINH ENERGY INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY;

Tên viết tắt là: TTE.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ bảy ngày 19/02/2020 là 284.904.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ, chín trăm linh bốn triệu đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Tầng 3, Tòa nhà lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, Đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam.

Điện thoại: (84-6).03868119

Fax: (84-6).03868901

E-mail: info@dakne.vn

Website: www.dientruongthinh.vn

Người đại diện theo pháp luật: Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Tổng số nhân viên Công ty tại thời điểm ngày 31/03/2020 là 45 người

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Xây dựng các công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (thủy lợi, điện, cấp thoát nước, viễn thông).

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/03/2020, Công ty có các công ty con và đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu/Quyền biểu quyết
<b>I</b>	<b>Công ty con</b>			
1	Công ty TNHH Trung Việt	Lô T2, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, Phường Lê Lợi, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	98%
<b>II</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
1	Chi nhánh Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại Quảng Nam	Thôn 2, Xã Trà Giác, Huyện Bắc Trà My, Tỉnh Quảng Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	100%
2	Văn phòng Đại diện Công ty CP Đầu tư Năng lượng Trường Thịnh tại TP Đà Nẵng	Tầng 4, Tòa nhà Ricco, 363 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng		100%
<b>2.</b>	<b>CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN</b>			

### Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03. Báo cáo tài chính Quý I năm 2020 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2020.

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

### **Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ:

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Công cụ tài chính**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### **Các khoản đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

## **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

### **Tỷ lệ khấu hao cụ thể hàng năm như sau**

### **Số năm khấu hao**

Nhà cửa vật kiến trúc	15-25
Máy móc thiết bị	03-12
Phương tiện, vận tải truyền dẫn	06-10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### **Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và chi phí phân bổ khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian.

### **Nợ phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

### **Chi phí đi vay**

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

*Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.*

## 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tiền mặt	22.671.127	43.660.202

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

Tiền gửi ngân hàng (*)	7.125.182.716	20.343.687.789
<b>Cộng</b>	<b><u>7.147.853.843</u></b>	<b><u>20.387.347.991</u></b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng chủ yếu bao gồm: tiền doanh thu các nhà máy của Công ty .

#### 6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Tổng công ty Điện Lực Miền Trung (*)	9.246.742.706	11.478.162.080
Ông Nguyễn Ngọc Trung	0	840.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>9.246.742.706</u></b>	<b><u>12.318.162.080</u></b>

(\*) Tiền điện đã xuất hóa đơn còn phải thu của Tổng Công ty điện lực Miền Trung.

#### 7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Trả trước cho người bán		
<i>Công ty TNHH Ngọc Thy</i>	27.854.716	35.080.442
<i>Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam</i>	136.400.000	85.250.000
<i>Công Ty TNHH Sóng Ngâm</i>	0	235.000.000
<i>Hợp tác xã vận tải cơ giới Quyết Tiến</i>	71.024.000	71.024.000
Trả trước cho người bán khác	351.467.539	356.838.813
<b>Cộng</b>	<b><u>586.746.255</u></b>	<b><u>783.193.255</u></b>

(\*) Giá trị tạm ứng cho người bán khác là giá trị tạm ứng cho các đối tác, nhà cung cấp thực hiện việc sửa chữa, thay thế thiết bị nhà máy Đakne, nhà máy Tà Vi nhưng đến ngày 31/03/2020 chưa thanh quyết toán.

#### 8. PHẢI THU KHÁC

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
<b>I. Ngắn hạn</b>	<b><u>25.483.602.414</u></b>	<b><u>43.868.004.414</u></b>
<b>Phải thu tạm ứng</b>	<b>983.602.414</b>	<b>1.865.357.414</b>
Hoàng Hữu Điền	147.658.607	142.658.607
Hồ Thanh Tiến	61.956.390	57.148.390
Lê Văn Khoa(*)	46.108.621	946.108.621
Nguyễn Văn Quân (*)	129.788.000	129.788.000
Bùi Thị Thanh Huyền	96.148.279	86.908.279
Nguyễn Thị Kim My (*)	129.443.444	129.443.444
Đỗ Văn Tuyết (*)	24.257.600	24.257.600
Thu tạm ứng khác:	348.241.473	349.044.473
<b>Phải thu khác</b>	<b>24.500.000.000</b>	<b>42.002.647.000</b>
Công ty TNHH Trung Việt (**)	24.500.000.000	42.002.647.000
<b>II. Phải thu Dài hạn khác</b>	<b><u>17.959.783.000</u></b>	<b><u>2.678.629.000</u></b>
Ký Quỹ, Ký cược dài hạn	217.033.000	217.033.000
<b>Phải thu tạm ứng dài hạn khác</b>	<b>17.742.750.000</b>	<b>2.461.596.000</b>
Ông Hồ Thanh Tiến(***)	14.198.925.000	1.927.190.000
Hoàng Hữu Điền(***)	2.333.906.000	483.906.000
Phải thu khác	1.209.919.000	50.500.000
<b>Tổng</b>	<b><u>43.443.385.414</u></b>	<b><u>46.546.633.414</u></b>

(\*) Các khoản tạm ứng cá nhân để phục vụ chi phí thường xuyên phát sinh trong kỳ như công tác phí, xăng xe đi lại.

(\*\*) Các khoản cho Công ty TNHH Trung Việt ( Công ty con ) mượn tiền để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy chế chi tiêu nội bộ.

(\*\*\*) Khoản tạm ứng cá nhân để thực hiện thủ tục pháp lý dự án Điện Mặt Trời .

### 9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

	<b>Nhà cửa vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số dư đầu kỳ	<u>468.660.950.120</u>	<u>248.700.000</u>	<u>3.384.050.375</u>	<u>50.200.000</u>	<u>472.343.900.495</u>
Mua trong năm	-	77.272.727	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>468.660.950.120</u>	<u>325.972.727</u>	<u>3.384.050.375</u>	<u>50.200.000</u>	<u>472.421.173.222</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số dư đầu kỳ	<u>154.479.047.599</u>	<u>127.866.676</u>	<u>1.433.289.556</u>	<u>50.200.000</u>	<u>156.090.403.831</u>
Hao mòn phát sinh	6.048.383.910	3.125.001	127.806.885	-	6.179.315.796
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<u>160.527.431.509</u>	<u>130.991.677</u>	<u>1.561.096.441</u>	<u>50.200.000</u>	<u>162.269.719.627</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày đầu năm:	<u>314.181.902.521</u>	<u>120.833.324</u>	<u>1.950.760.819</u>	<u>0</u>	<u>316.253.496.664</u>
Tại ngày 31/03/2020:	<u>308.133.518.611</u>	<u>194.981.050</u>	<u>1.822.953.934</u>	<u>0</u>	<u>310.151.453.595</u>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Công ty	Số cuối kỳ (VND)			Số đầu kỳ (VND)		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
TNHH Trung Việt	170.520.000.000	(*)	-	170.520.000.000	(*)	-

Công ty TNHH Trung Việt là Công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên số 6100221010 ngày 22 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kon Tum cấp, và các giấy phép điều chỉnh.

Tại thời điểm 31/12/2019 Công ty chiếm 98% vốn điều lệ của Công ty TNHH Trung Việt.

Tại kỳ báo cáo tài chính kết thúc năm ngày 31 tháng 12 năm 2019, công ty TNHH Trung Việt có lãi và không có lỗ lũy kế, do đó công ty chưa cần thiết phải trích lập dự phòng giảm giá đối với khoản đầu tư này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

(\*) Theo quy định tại thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và khoản đầu tư vào đơn vị khác tại thời điểm 31/12/2019 cần trình bày, tuy nhiên do Công ty TNHH Trung Việt chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty chưa trình bày giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên tại ngày 31/03/2020

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	<b><u>418.799.779</u></b>	<b><u>438.910.270</u></b>
Chi phí bảo hiểm nhà máy	208.799.779	333.910.270
Chi phí khác	210.000.000	105.000.000
<b>Chi phí trả trước dài hạn</b>	<b><u>1.801.335.277</u></b>	<b><u>1.498.063.026</u></b>
Công cụ dụng cụ	4.303.630	4.840.458
Chi phí trả trước khác	1.797.031.647	1.493.222.568

### 12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VNĐ		Số đầu kỳ VNĐ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CPTV XD NL tái tạo	41.536.000	41.536.000	41.536.000	41.536.000
Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội				
Công ty cổ phần Tấn phát	200.000.000	200.000.000	295.000.000	295.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	265.689.536	265.689.536	24.837.536	24.837.536
<b>Cộng</b>	<b><u>507.225.536</u></b>	<b><u>361.373.536</u></b>	<b><u>361.373.536</u></b>	<b><u>361.373.536</u></b>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

#### 13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Lũy kế phát sinh đến 31/03/2020	Số đã nộp trong kỳ	Lũy kế số đã nộp 31/03/2020	Số cuối kỳ
Thuế GTGT	4.099.392.139	1.778.210.536	1.778.210.536	3.469.744.556	3.469.744.556	2.407.858.119
Thuế TNDN	832.531.347	92.376.259	92.376.259			924.907.606
Thuế TNCN	31.176.762	767.038.381	767.038.381			798.215.143
Thuế TN	4.322.040.511	1.222.138.276	1.222.138.276	2.277.951.782	2.277.951.782	3.266.227.005
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	
Phí, KPN	2.021.890.381	563.698.671	563.698.671	1.732.602.502	1.732.602.502	852.986.550
<b>Cộng</b>	<b><u>11.307.031.140</u></b>	<b><u>4.426.462.123</u></b>	<b><u>4.426.462.123</u></b>	<b><u>7.483.298.840</u></b>	<b><u>7.483.298.840</u></b>	<b><u>8.250.194.423</u></b>

#### 14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu kỳ VNĐ
<b>I. Phải trả khác</b>		
Bảo hiểm xã hội	61.054.902	62.022.188
Bảo hiểm y tế	10.227.942	8.572.687
Bảo hiểm thất nghiệp	4.788.334	4.833.906
Các khoản phải trả, phải nộp khác	63.960.538	63.960.538
<b>Cộng</b>	<b><u>144.246.715</u></b>	<b><u>139.389.319</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

**15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

**15.1 CÁC KHOẢN ĐI VAY**

Diễn giải	Số cuối kỳ		Số trong kỳ		Số đầu kỳ		ĐVT: VNĐ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>19.050.000.000</b>	<b>19.050.000.000</b>		<b>0</b>	<b>26.250.000.000</b>	<b>26.250.000.000</b>	
NH NN và PTNN VN	4.550.000.000	4.550.000.000			4.550.000.000	4.550.000.000	
NH TMCP Việt Á – CN Hà Nội	14.500.000.000	14.500.000.000		7.200.000.000	21.700.000.000	21.700.000.000	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>217.350.000.000</b>	<b>217.350.000.000</b>		<b>0</b>	<b>217.350.000.000</b>	<b>217.350.000.000</b>	
-NH NN và PTNN Việt Nam	60.550.000.000	60.550.000.000			60.550.000.000	60.550.000.000	
NH TMCP Việt Á – CN Hà Nội	156.800.000.000	156.800.000.000			156.800.000.000	156.800.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>236.400.000.000</u></b>	<b><u>236.400.000.000</u></b>		<b><u>0</u></b>	<b><u>243.600.000.000</u></b>	<b><u>243.600.000.000</u></b>	

Khoản vay của Ngân hàng NN & PTNT Việt nam – Chi nhánh tỉnh Kon Tum là khoản vay dài hạn bằng VNĐ theo Hợp đồng Tín dụng số 01/2016/HĐTD-TV ngày 28/12/2016 với thời hạn cho vay là 144 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng, với mục đích sử dụng để thanh toán chi phí mua lại toàn bộ Nhà máy thủy điện Tà Vi theo Hợp đồng chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Tà Vi số 01/2016/HĐCN/NV-ĐN ngày 04/11/2016 giữa Công ty CP Thủy điện Đắk Ne và Công ty TNHH Nước Vin. Khoản vay chịu lãi suất theo hình thức thả nổi được điều chỉnh tối đa 3 tháng 1 lần. Kỳ hạn trả nợ gốc và lãi là 6 tháng/lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Tài

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

sản đảm bảo cho khoản vay là 100% giá trị Công trình Nhà máy thủy điện Tà Vi tại thôn 1 xã Trà Giác, huyện Bắc Trà My, tỉnh Quảng Nam.

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Á – Chi nhánh Hà Nội là khoản vay dài hạn bằng VND theo Hợp đồng Tín dụng số 031-14/HĐTDH ngày 31/12/2014 với thời hạn vay 144 tháng nhằm mục đích tái tài trợ và sửa chữa Nhà máy thủy điện Đăkne. Khoản vay chịu lãi suất 11,2%/năm. Công ty sử dụng toàn bộ giá trị Nhà máy thủy điện Đăkne để thế chấp cho khoản vay này.

#### 15.2 NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Diễn giải	Số cuối kỳ		Số trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Nợ thuế tài chính của công ty	-	-	-	-	-	-
Tổng	-	-	-	-	-	-

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

### 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### Thông tin về vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VNĐ	VNĐ
Vốn góp tại đầu năm	284.904.000.000	284.904.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	<u>284.904.000.000</u>	<u>284.904.000.000</u>

Tình hình phát hành cổ phiếu của công ty tại 31/12/2019 như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.490.400	28.490.400
Cổ phiếu phổ thông	28.490.400	28.490.400
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

### 17. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu bán điện	Số kỳ này	Số kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Nhà máy Đakne	15.147.856.830	20.701.725.092
Nhà máy Tà Vi	2.634.248.530	5.041.332.334
Cộng	<u>17.782.105.360</u>	<u>25.743.057.425</u>

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

#### 18. GIÁ VỐN CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số kỳ này VNĐ	Số kỳ trước VNĐ
<b>Giá vốn bán điện</b>		
Nhà máy Đakne	7.593.330.543	7.961.894.786
Nhà máy Tà Vi	1.725.372.008	1.792.111.348
<b>Cộng</b>	<b><u>9.318.702.551</u></b>	<b><u>9.754.006.134</u></b>

#### 19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số kỳ này VNĐ	Số kỳ trước VNĐ
Chi phí nhân công	817.042.681	578.631.118
Chi phí khấu hao	6.132.182.841	6.132.182.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.046.853.016	2.767.412.350
Chi phí khác bằng tiền	322.625.013	275.779.825
<b>Cộng</b>	<b><u>9.318.703.551</u></b>	<b><u>9.754.006.134</u></b>

#### 20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Số kỳ này VNĐ	Số kỳ trước VNĐ
Nhà máy Đakne	4.986.746.000	7.196.671.334
Nhà máy Tà Vi	1.617.734.999	1.710.922.500
<b>Cộng</b>	<b><u>6.586.480.999</u></b>	<b><u>8.907.593.834</u></b>

#### 21. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Số kỳ này VNĐ	Số kỳ trước VNĐ
Chi phí nhân viên	504.134.854	480.856.139
Chi phí đồ dung văn phòng	5.578.712	21.038.940

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

Chi phí khấu hao TSCĐ	84.467.955	103.135.455
Thuế, phí và lệ phí	5.614.826	9.716.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	474.857.199	116.597.592
Các khoản chi phí khác	88.090.791	685.425.983
<b>Cộng</b>	<b><u>833.702.502</u></b>	<b><u>1.416.770.636</u></b>

#### 22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Kỳ kế toán 31/03/2020 VNĐ	Kỳ kế toán 31/03/2019 VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.010.282.542	5.627.877.476
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	0	
Các khoản chi phí không được khấu trừ	0	
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>1.847.525.175</b>	
Thu nhập chịu Thuế suất 10% (i)	1.847.525.175	437.423.748
Thu nhập chịu Thuế suất 20% (ii)	(837.242.633)	250.728.000
<b>Thuế TNDN phải nộp theo suất ưu đãi</b>	<b>184.752.517</b>	<b>688.151.748</b>
Đ/c Thuế TNDN được miễn, giảm	92.376.259	218.711.874
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>92.376.258</b>	<b>469.439.874</b>

(i) Thuế suất 10% là cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Đắc Ne: Do Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh (Tên cũ: Công ty Cổ Phần Thủy điện Đắc Ne) được tách ra từ Công ty Cổ Phần Tấn Phát và nhà máy thủy điện Đắc Ne được bàn giao lại cho Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năng Lượng Trường Thịnh vận hành, theo quy định tại khoản 3, điều 20, nghị định số 218/2013/NĐ-CP quy định về kế thừa các ưu đãi thuế thì thu nhập từ nhà máy thủy điện Đắc Ne được kế thừa toàn bộ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại của Công ty Cổ Phần Tấn Phát cụ thể:

- Thuế suất ưu đãi 10% áp dụng trong vòng 11 năm kể từ năm 2014.
- Giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2014.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

(ii) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% tương ứng cho hoạt động kinh doanh của nhà máy Thủy điện Tà Vi.

### 23. THÔNG TIN KHÁC

#### 23.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

##### a. Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan:</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH Trung Việt Ông Trần Quang Chung	Công ty Con Tổng giám đốc CT Trung Việt
2. Ông Đinh Xuân Hoàng	Chủ tịch HĐQT
3. Ông Trần Quang Chung	Thành viên HĐQT – Tổng giám đốc
4. Ông Hoàng Hữu Điền	Phó TGD kiêm Kế toán trưởng

Tại ngày 31/03/2020, Số dư các bên liên quan như sau:

	31/03/2020	31/12/2019
	VNĐ	VNĐ
<b>Nợ phải thu ( Nợ TK 138)</b>	<b>24.500.000.000</b>	<b>42.002.647.000</b>
Công ty TNHH Trung Việt	24.500.000.000	42.002.647.000
<b>Phải thu tạm ứng ( Nợ TK141)</b>	<b>2.494.564.607</b>	<b>1.585.673.228</b>
Ông Hoàng Hữu Điền (*)	2.481.564.607	626.564.607
Ông Trần Quang Chung	13.000.000	0

(\*) Chi phí tạm ứng để triển khai dự án điện năng lượng mặt trời của NM ĐakBla.

#### Thu nhập của Thành viên HĐQT và Ban Giám đốc

	Kỳ này	Kỳ trước
	VNĐ	VNĐ
Thù lao HĐQT và thu nhập Ban Giám đốc	245.200.000	251.775.000

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

### 23.2 Báo cáo bộ phận

#### 23.2.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty được tổ chức theo đơn kinh doanh dựa trên sản phẩm Chính của công ty là Sản xuất, phân phối và truyền tải điện, trong kỳ Công ty chi phát sinh doanh thu và chi phí liên quan đến việc Sản xuất điện để bán cho Tập đoàn điện lực.

Bộ phận Sản xuất, phân phối và truyền tải điện: là bộ phận Sản xuất điện của nhà máy để bán cho Tập đoàn điện lực.

Kết quả kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích.

#### 23.2.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về Doanh thu, giá vốn, lợi nhuận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	Quý I.2020			Đơn vị tính: 1.000VND Quý I.2019		
	Tỉnh	Ngoài	Tổng cộng	Tỉnh	Ngoài	Tổng cộng
	Kon Tum	Kon Tum		Kon Tum	Kon Tum	
Doanh thu	15.147.856	2.634.249	17.782.105	20.701.725	5.041.332	25.743.057
Giá vốn hàng bán	7.593.334	1.725.372	9.318.706	7.961.895	1.792.111	9.754.006
Lợi nhuận gộp theo bộ phận	7.554.522	908.877	8.463.399	12.739.830	3.249.221	15.989.051

### 23.3 Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kiểm toán kết thúc ngày 31/12/2019 và Báo cáo tài chính Quý I năm 2019 đã lập của Công ty.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1 NĂM 2020

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính quý 1 năm 2020*

#### 23.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính Quý I năm 2019.

Kon Tum, ngày 28 tháng 04 năm 2020

Người lập biểu



Đoàn Thị Ngọc Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Hữu Điền

Tổng Giám đốc



Trần Quang Chung

